

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc xoá nợ tiền phạt chậm nộp, tiền chậm nộp đối với
10 người nộp thuế**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ quy định Luật Quản lý thuế;

Căn cứ Nghị quyết số 94/2019/QH14 ngày 26 tháng 11 năm 2019 của Quốc hội về khoan nợ tiền thuế, xoá nợ tiền phạt chậm nộp, tiền chậm nộp đối với người nộp thuế không còn khả năng nộp Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 69/2020/TT-BTC ngày 15/7/2020 của Bộ Tài chính quy định hồ sơ và trình tự, thủ tục xử lý nợ theo Nghị quyết số 94/2019/QH14 ngày 26 tháng 11 năm 2019 của Quốc hội;

Căn cứ Quyết định số 1836/QĐ-BTC ngày 08/10/2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Thuế trực thuộc Tổng cục Thuế;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Thuế tỉnh tại Văn bản số 6000/CT-CTDON-QLN ngày 22 tháng 6 năm 2021.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Xoá nợ tiền phạt chậm nộp, tiền chậm nộp đối với 10 người nộp thuế còn nợ trước ngày 01/7/2020 với tổng số nợ tiền phạt chậm nộp, tiền chậm nộp là 1.173.211.027 đồng, (Bằng chữ: Một tỷ, một trăm bảy mươi ba triệu, hai trăm mười một ngàn, không trăm hai mươi bảy đồng), trong đó:

- Số doanh nghiệp, tổ chức là 10 người nộp thuế với tổng số nợ tiền phạt chậm nộp, tiền chậm nộp là: 1.173.211.027 đồng; (Danh sách người nộp thuế được xoá nợ tiền phạt chậm nộp, tiền chậm nộp kèm theo).

- Lý do xoá nợ tiền phạt chậm nộp, tiền chậm nộp: Người nộp thuế thuộc đối tượng được xoá nợ quy định tại khoản 5 Điều 4 Nghị quyết số 94/2019/QH14 ngày 26/11/2019 của Quốc hội.

- Cục trưởng Cục Thuế tỉnh Đồng Nai chịu trách nhiệm về tính chính xác của số liệu và các thông tin của hồ sơ xoá nợ.



Điều 2. Căn cứ vào số tiền phạt chậm nộp, tiền chậm nộp được xóa nợ nêu tại Điều 1 Quyết định này, Cục Thuế tỉnh chỉ đạo điều chỉnh số tiền phạt chậm nộp, tiền chậm nộp của người nộp thuế.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai, Cục trưởng Cục Thuế tỉnh Đồng Nai và 10 người nộp thuế có tên trong danh sách tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Tổng Cục thuế;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch;
- Chánh, Phó văn phòng;
- Lưu: VT, KTNS



KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Võ Tấn Đức

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG NAI



DANH SÁCH NGƯỜI NỘ THIẾ ĐƯỢC XÓA NỢ TIỀN PHÁT CHẤM NỘP, TIỀN CHẤM NỘP
(theo danh sách theo Quyết định số 2177/QĐ-UBND) ngày 29 tháng 6 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai)



STT	Tên người nộp thuế	Mã số thuế	Địa chỉ kinh doanh	Họ và tên	Số giấy đăng ký thuế (a)	Ngày cấp giấy đăng ký thuế (b)	Cơ quan cấp giấy đăng ký thuế	Tổng số nợ tiền phạt chậm nộp, tiền chậm nộp được xóa nợ	Trung bình (theo mức)					
									4272	4917	4918	4931	4933	4944
1	Tổng cộng:	3	7	5	6	7	8	9-10-11-12-13-14-15	10	11	12	13	14	15
1	Doanh nghiệp, cá nhân	10						1.173.211.027	7.766.000	102.060.142	114.081.735	899.942.974	31.091.907	18.268.269
1	Công Ty TNHH TN INTERTRADE(Việt Nam)	3600562856	23 Đường 3 A Khu Công Nghiệp Biên Hòa 2, TP Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai	Thái Thanh Sakman				468.415.500		4.231.748	114.081.735	344.789.317		5.312.700
2	Công Ty TNHH SX Young Pong Vina	3600639261	10/4/2 -14 Đường 4-2 KCN Amata, TP Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai	SAKONG INSU				17.045.573		646.098		16.399.475		
3	Công Ty TNHH K.V SEERTECH Việt Nam	3600532643	109/2 đường 5 Amata, KCN amata, P Long Bình, TP Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai	Nguyễn Phi Khanh				317.790.891		1.596.652		312.978.620		3.215.619
4	Công Ty TNHH Green Chemical	3600738644	Khu Công Nghiệp Long Bình Lorico, QL15, P Long Bình, TP. Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai	Hương Jun Cu				7.595.400		5.824.500				1.770.900
5	Công Ty TNHH Okumura Việt Nam	3600894266	Lô 101/2 -3, Đường 3 B, KCN Amata, P Long Bình, TP Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai	LEE BYUNG SAN				1.941.500		1.941.500				
6	Công Ty TNHH EAG VINA	3602332582	KCN Agtex Long Bình, P Long Bình, Thành Phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai	LEE YOUNG NG				885.450						885.450
7	Công Ty TNHH sản xuất Đồng Nam	3600433427	số 2, đường 16A, KCN Biên Hòa 2, Thành Phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai	Song Suk Woo				130.052.638				130.052.638		
8	Công Ty TNHH Fine Cubicle	3601671840	Đường 19A, KCN Biên Hòa 2, Thành Phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai	HWANG SIKKOO				100.695.152		95.585.644			3.338.608	1.770.900
9	Công Ty TNHH HY VINA	3600663903	Khu Công Nghiệp Long Bình, LOTECO, Thành Phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai	PARK HYUN TAI				3.541.800						3.541.800
10	CÔNG TY TNHH NAMU VINA	3602349315	Khu công nghiệp Nhơn Trạch II, thị trấn Hiệp Phước, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai	CHOI KEEHWAN				125.247.123				95.722.924	27.753.299	1.770.900

Tổng cộng